TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/DS-PT
Ngày: 19-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Anh.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Ông Phạm Văn Phấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Tấn Hoàng - Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/TLPT-DS ngày 29/9/2018 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐ-PT ngày 19/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2018/QĐ-PT ngày 08/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Khối A, thị trấn CG, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hồng T: Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1987 (Theo giấy ủy quyền ngày 23/10/2018). Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Quang V: Bà Trịnh Hoàng Ngọc M - Luật sư, Văn phòng Luật sư Miền Trung, đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 3, đường NT, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (Theo giấy ủy quyền ngày 01/11/2018). Có mặt tại phiên tòa.

Đồng bị đơn: Ông Vũ Thanh S, sinh năm 1962 và bà Vũ Thị Ánh H, sinh năm 1964. Đều có địa chỉ: Khối A, thị trấn CG, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H: Bà Hoàng Thị N. Địa chỉ: Khối A, thị trấn CG, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (Theo giấy ủy quyền ngày 16/11/2018). Có mặt tại phiên tòa.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của anh Nguyễn Quang V người được nguyên đơn ủy quyền:

Ngày 25 tháng 01 năm 2014, bà Vũ Thị Ánh H và chồng là ông Vũ Thanh S vay của ông Nguyễn Hồng T số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng và hẹn đến ngày 25/12/2015 sẽ thanh toán. Vợ chồng ông S, bà H đã nhận đủ tiền và viết giấy vay nợ, cùng ký nhận. Đến hẹn bà H, ông S đã trả cho ông T một số tiền. Ngày 21/8/2016 (âm lịch), bà H viết giấy khất nợ số tiền 590.000.000 (Năm trăm chín mươi triệu) đồng hẹn đến tháng 2 âm lịch năm 2017 sẽ thanh toán. Đến ngày 28/12/2016, bà H, ông S trả được 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng. Bà H, ông S còn nợ số tiền 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng. Ông T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông S, bà H trả nợ gốc 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông S, bà H thừa nhận ngày 25/01/2014, vay của ông Nguyễn Hồng T số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng. Sau khi vay ông S, bà H trả 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Ngày 17/8/2016, ông S, bà H trả 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng do anh Nguyễn Quang V con ông T nhận. Ngày 28/12/2016, ông S, bà H tiếp tục trả 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng. Tổng cộng ông S, bà H trả cho ông T 340.000.000 (Ba trăm bốn mươi triệu) đồng. Hiện nay ông S, bà H còn nợ ông T số tiền 360.000.000 (Ba trăm sáu mươi triệu) đồng. Ông T khởi kiện yêu cầu trả 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng, ông S, bà H không đồng ý vì chỉ còn nợ ông T số tiền 360.000.000 (Ba trăm sáu mươi triệu) đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 47, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng T. Buộc ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H phải trả cho ông Nguyễn Hồng T số tiền 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng.

Về án phí: Buộc ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H phải chịu 23.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Hồng T số tiền 14.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001632 ngày 20/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H làm chung

đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm vì lý do:

Giấy khất nợ ngày 21/8/2016 (âm lịch) là do bà H viết, ông S không biết, lý do viết giấy khất nợ này là ngày 25/01/2014, ông S, bà H vay của ông T số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng, đã trả được 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Đến hẹn không có trả nên ngày 20/7/2016, ông Tkhởi kiện tại Tòa án. Ngày 17/8/2016, ông S, bà H trả cho ông T số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng) đồng (con ông T là anh Nguyễn Quang V nhận) để ông T rút đơn khởi kiện. Ngày 21/8/2016 (âm lịch), ông T tính lại số tiền vay gốc 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng, cộng 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tiền lãi thành 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng, đã trả được 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng, còn nợ 570.000.000 (Năm trăm bảy mươi triệu) đồng và cộng 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng là tiền chi phí cho việc khởi kiện thành 590.000.000 (Năm trăm chín mươi triệu) đồng. Ông T đã yêu cầu bà H viết lại 2 giấy vay, 1 giấy vẫn giữ nguyên ngày 25/01/2014, số tiền vay 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng và ghi thêm bác T đã trả cho 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tiền lãi và 1 giấy khất nợ 590.000.000 đồng.

Ông S, bà H chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền 360.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông S và bà H: Bà Hoàng Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Vinh: Bà Trịnh Hoàng Ngọc M đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thư ký Tòa án và các thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Các đương sự đều thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 7, Điều 86 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa bản án sơ thẩm. Buộc ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H trả cho ông Nguyễn Hồng T số tiền 460.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm ông T ủy quyền cho anh Nguyễn Quang V tham gia giải quyết vụ án và trong nội dung ủy quyền anh V được ủy quyền lại cho người thứ ba. Ngày 01/11/2018, anh V ủy quyền lại cho bà Trịnh Hoàng Ngọc M tham gia giải quyết vụ án. Việc ủy quyền của anh V phù hợp với quy định của

Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Hồng T, anh Nguyễn Quang V, ông Vũ Thanh S, bà Vũ Thị Ánh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Người được ủy quyền là bà Trịnh Hoàng Ngọc M và bà Hoàng Thị N có mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông T, anh V, ông S, bà H là đúng quy định.

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Vũ Thanh S và và Vũ Thị Ánh H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vợ chồng ông S, bà H đều thừa nhận ngày 25/01/2014 vay của ông T số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng không tính tiền lãi. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm ông S, bà H, ông T, anh V đều thừa nhận đến ngày 17/8/2016, ông S, bà H đã trả được 230.000.000 đồng. Ông T, anh V cũng thừa nhận ngày 28/12/2016, ông S, bà H đã trả thêm được 110.000.000 đồng, đây là số tiền trả sau khi bà H viết giấy khất nợ ngày 21/8/2016 (âm lịch) với số tiền 590.000.000 đồng. Hiện nay ông S, bà H đang còn nợ 480.000.000 đồng. Tuy nhiên ông S, bà H không chấp nhận giấy khất nợ bà H viết ngày 21/8/2016 (âm lịch) và cho rằng giấy khất nợ này là thỏa thuận của một mình bà H, ông S không biết, không ký và khi viết giấy khất nợ là do bị ép buộc, mục đích để ông T rút đơn khởi kiện tại Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà M người được anh V ủy quyền cũng cho rằng ông S, bà H vay ông T số tiền 700.000.000 đồng, đã thỏa thuận ông T trả hộ 100.000.000 đồng tiền lãi và được ghi vào giấy vay tiền ngày 25/01/2014. Sau đó ông S, bà H thỏa thuận lại với ông T về số tiền còn nợ và ngày 21/8/2016 (âm lịch) bà H đã viết lại giấy khất nợ với số tiền 590.000.000 đồng, bao gồm số tiền gốc là 570.000.000 đồng và 20.000.000 đồng là tiền chi phí cho việc khởi kiện, do có thỏa thuận này nên ông T đã rút đơn khởi kiện tại Tòa án. Bà N người được ông S, bà H ủy quyền cho rằng ông T chỉ khởi kiện yêu cầu ông S, bà H trả số tiền gốc 700.000.000 đồng, không có số tiền lãi 100.000.000 đồng. Ông S, bà H đã trả được tổng cộng là 340.000.000 đồng, hiện nay chỉ còn nợ 360.000.000 đồng. Khi vay tiền ông S, bà H và ông T không thỏa thuận tiền lãi suất nên không chấp nhận 100.000.000 đồng tiền lãi.

Xét kháng cáo của ông S, bà H về nội dung vụ kiện trước đây đã được Tòa thụ lý giải quyết và đã đình chỉ vụ án do ông T rút đơn khởi kiện thì thấy rằng: Ngày 10/7/2016, ông T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông S, bà H trả số tiền 770.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 25/01/2014. Ông S, bà H đều thừa nhận là vay ông T số tiền 700.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền lãi ông T đã trả hộ khi vay, thành 800.000.000 đồng. Ông S, bà H đã trả được 30.000.000 đồng, còn nợ 770.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 30/8/2016 của ông S, bà H trình bày đến ngày 17/8/2016 đã trả được thêm được 200.000.000 đồng, còn nợ 570.000.000

đồng và khất nợ ra Tết năm 2017 sẽ trả. Ông T đã chấp nhận nên ngày 16/9/2016 đã rút yêu cầu khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ vụ án. Như vậy, lời khai của ông S, bà H về việc ông T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu trả số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền lãi của giấy vay ngày 25/01/2014 và do thỏa thuận được với nhau nên ông T rút đơn khởi kiện và được Tòa án đình chỉ vụ án là đúng.

Đối với số tiền lãi ghi tại giấy vay tiền ngày 25/01/2014 với nội dung bác Tiến trả cho 100.000.000 đồng tiền lãi. Ông T cho rằng do vay tiền của người khác nên phải trả cho họ tiền lãi 100.000.000 đồng và vợ chồng ông S, bà H đồng ý nên mới viết vào giấy vay nợ ngày 25/01/2014. Ông S, bà H cho rằng số tiền 100.000.000 đồng tiền lãi suất của số tiền 700.000.000 đồng và sau này mới ghi thêm. Xét thấy mặc dù khi vay tiền, nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên số tiền này được ghi vào giấy vay nợ ngay từ đầu và vợ chồng ông S, bà H biết nhưng không có ý kiến gì và chấp nhận trả khoản tiền lãi này. Ngày 10/7/2016, ông T khởi kiện đòi nợ tại Tòa án thì vợ chồng ông S, bà H đã đồng ý và thỏa thuận còn nợ ông T số tiền 800.000.000 đồng bao gồm 700.000.000 đồng tiền gốc và 100.000.000 đồng tiền lãi này. Như vậy mặc dù khi vay không thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên vợ chồng ông S, bà H biết và chấp nhận khoản tiền lãi 100.000.000 đồng, do đó có căn cứ chấp nhận khoản tiền lãi.

Đối với yêu cầu của bà H về nội dung ngày 21/8/2016 (âm lịch), ông T tính toán lại số tiền vay gốc 700.000.000 đồng, cộng 100.000.000 đồng tiền lãi thành 800.000.000 đồng, đã trả được 230.000.000 đồng, còn nợ 570.000.000 đồng và ông T cộng thêm 20.000.000 đồng là tiền chi phí khởi kiện thành 590.000.000 đồng thì thấy rằng: Ngày 10/7/2016, ông T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông S, bà H trả số tiền 770.000.000 đồng, trong đó có 670.000.000 đồng tiền gốc (vay 700.000.000 đồng, đã trả 30.000.000 đồng) và 100.000.000 đồng tiền lãi trả nợ thay khi vay tiền gốc. Ông S, bà H đã thừa nhận trong bản tự khai 30/8/2016 là nợ ông T tổng số tiền 800.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 700.000.000 đồng, tiền lãi 100.000.000 đồng, đã trả được 230.000.000 đồng, còn nợ 570.000.000 đồng. Mặc dù giấy khất nợ ngày 21/8/2016 (âm lịch) với số tiền 590.000.000 đồng ông S không ký, nhưng khi bà H viết giấy khất nợ thì thực tế ông S, bà H còn nợ ông T số tiền 570.000.000 đồng. Về số tiền 20.000.000 đồng ông Tiến, bà H thỏa thuận viết vào giấy khất nợ, tại phiên tòa phúc thẩm bà M thừa nhận đây là số tiền chi phí cho việc khởi kiện là phù hợp với lời khai của bà H về lý do của việc viết giấy khất nợ này. Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự không có chứng cứ, tài liệu chứng minh đây là chi phí cho việc khởi kiện nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ sự phân tích trên có căn cứ xác định ông T cho ông S và bà H vay 700.000.000 đồng và số tiền lãi ông T trả thay do đi vay hộ là 100.000.000 đồng, tổng cả gốc và lãi là 800.000.000 đồng. Ông S, bà H đã trả được 340.000.000 đồng, còn nợ 460.00.000 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận ông S, bà H còn nợ ông T số tiền 460.000.000 đồng. Vì vậy, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông S và bà H, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H có đơn đề nghị giảm tiền án phí vì hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND thị trấn CG, huyện

Quỳnh Lưu. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H.

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng T. Buộc ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H trả cho ông Nguyễn Hồng T số tiền 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H phải chịu 11.200.000 (Mười một triệu hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Hồng T số tiền 14.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001632 ngày 20/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Trả cho ông Vũ Thanh S và bà Vũ Thị Ánh H tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001769 ngày 15/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Anh